Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8537.10.20

Mã HS	8537.10.20
Mô tả hàng hóa	Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác, được lắp với hai hoặc nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hoặc thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17 / - Dùng cho điện áp không quá 1.000 V: / - - Bảng phân phối (gồm cả panel đỡ và tấm đỡ phẳng) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các hàng hóa thuộc nhóm 84.71, 85.17 hoặc 85.25
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 03:56:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85371020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15868
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15868
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15868
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-BN, KH, TH)	0% (trừ BN, KH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15205
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15137
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15137
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15137
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15137
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15137
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15137
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15193
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15193
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15193
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15193

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15193
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15193
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15194
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15194
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15194
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15194
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15194
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15194
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15195
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15143
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15151
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15151
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15151
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15151
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15151
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15151
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15191
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15191
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15191
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15191
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15191
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15191
VCFTA	2022	2022	3	VC!D15248
VCFTA	2023	2023	1	VC!E15248
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15248
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15248

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15248
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15248
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15227
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15227
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15227
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15227
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15227
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15227
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15225
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15225
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15225
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15225
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15225
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15225
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D15231
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E15231
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F15231
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15231
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15231
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15231
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D15230
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E15230
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F15230
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15230
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15230
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15230

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15221
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15221
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15221
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15221
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15221
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15221
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15221
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15218
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15218
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15218
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15218
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15218
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15218
RCEP B	2022	2022	0	B!D15218
RCEP B	2023	2023	0	B!E15218
RCEP B	2024	2024	0	B!F15218
RCEP B	2025	2025	0	B!G15218
RCEP B	2026	2026	0	B!H15218
RCEP B	2027	2027	0	B!I15218
RCEP C	2022	2022	0	C!D15218
RCEP C	2023	2023	0	C!E15218
RCEP C	2024	2024	0	C!F15218
RCEP C	2025	2025	0	C!G15218
RCEP C	2026	2026	0	C!H15218
RCEP C	2027	2027	0	C!I15218
RCEP D	2022	2022	0	D!D15217

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15217
RCEP D	2024	2024	0	D!F15217
RCEP D	2025	2025	0	D!G15217
RCEP D	2026	2026	0	D!H15217
RCEP D	2027	2027	0	D!I15217
RCEP E	2022	2022	0	E!D15221
RCEP E	2023	2023	0	E!E15221
RCEP E	2024	2024	0	E!F15221
RCEP E	2025	2025	0	E!G15221
RCEP E	2026	2026	0	E!H15221
RCEP E	2027	2027	0	E!I15221
RCEP F	2022	2022	0	F!D15218
RCEP F	2023	2023	0	F!E15218
RCEP F	2024	2024	0	F!F15218
RCEP F	2025	2025	0	F!G15218
RCEP F	2026	2026	0	F!H15218
RCEP F	2027	2027	0	F!I15218
VIFTA	2024	2024	6,7	VI!F14184
VIFTA	2025	2025	3.3	VI!G14184
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14184
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14184

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8537.10 có 10 dòng thuế; dòng 8537.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bảng phân phối (gồm cả panel đỡ và tấm đỡ phẳng) chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các hàng hóa thuộc nhóm 84.71, 85.17 hoặc 85.25.	8537.10.11 Bảng điều khiển của loại thích hợp sử dụng cho hệ thống điều khiển phân tán; 8537.10.12 Bảng điều khiển có trang bị bộ xử lý lập trình (SEN); 8537.10.13 Bảng điều khiển khác của loại thích hợp dùng cho hàng hóa của nhóm 84.15, 84.18, 84.50, 85.08, 85.09 hoặc 85.16 (SEN); 8537.10.19 Loại khác; 8537.10.30 Bộ điều khiển logic có khả năng lập trình cho máy tự động để dịch chuyển, xử lý và kẹp giữ khuôn cho thiết bị bán dẫn; 8537.10.40 Bộ điều khiển động cơ có điện áp đầu ra từ 24V đến 120VDC và có cường độ dòng điện từ 300A đến 500A	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8537.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8537.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15868), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.